PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 943/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch vùng) với những nội dung chủ yếu sau:

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ

- Vùng Đông Nam Bộ (gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh) là vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước; là địa bàn có vai trò cầu nối với các khu vực đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Tây Nguyên; đi đầu trong chủ động hội nhập, mở rộng giao thương, hợp tác kinh tế có hiệu quả với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

- Là vùng đi đầu phát triển trong một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc tế, tạo động lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

- Vùng Đông Nam Bộ mà hạt nhân là thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm dịch vụ tầm cỡ khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế.

- Là trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời là trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu của cả nước.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; đảm bảo thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; xây dựng và phát triển vùng Đông Nam Bộ thành vùng động lực thúc đẩy phát triển với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước; là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại lớn của đất nước và khu vực.

2. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong Vùng, nhất là lợi thế về sản xuất công nghiệp, dịch vụ, vùng Đông Nam Bộ phải đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước; trong đó khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương là địa bàn trọng điểm, phát huy vai trò động lực và lan toả phát triển cho các địa phương khác trong vùng và cả nước.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Vùng theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tập trung ưu tiên đầu tư các ngành có tiềm năng, lợi thế, có năng suất lao động và hàm lượng tri thức cao, gắn liền với việc đẩy mạnh liên kết giữa các ngành, thành phần kinh tế và giữa các địa phương.

4. Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cho Vùng và cả nước. Nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô đào tạo với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý theo nhiều hình thức.

5. Phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo công bằng xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các địa phương trong vùng, nhất là đồng bào nghèo, dân tộc thiểu số, dân cư vùng giáp biên giới với Campuchia.

6. Phát triển bền vững, hài hòa giữa các mục tiêu về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và cải thiện môi trường sinh thái; từng bước kiểm soát có hiệu quả

vấn đề di dân tự do tới các tỉnh trong Vùng cùng với việc bảo vệ và phát triển rừng; phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường đô thị, nguồn nước và không khí.

7. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Về phát triển kinh tế:

- Quy mô GDP vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020 tăng gấp 2,7 lần so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011 - 2020 đạt 9,5 - 10%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng khoảng 10%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 9,5%/năm; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 97 - 98% trong tổng GDP của Vùng năm 2020, trong đó dịch vụ chiếm trên 44%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

- Phấn đấu GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt tương đương 4.600 USD và năm 2020 đạt 6.400 USD; giá trị xuất khẩu bình quân đầu người đạt 4.200 USD vào năm 2015 và 7.800 USD năm 2020. Giữ mức đóng góp cho ngân sách nhà nước khoảng 50 - 55% trong cả thời kỳ 2011 - 2020.

- Tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20 - 25%/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 90% vào năm 2020.

- Hình thành các trung tâm dịch vụ sản xuất và xã hội chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế và khu vực Đông Nam Á.

2. Về phát triển xã hội:

- Đến năm 2020 ổn định số dân trong Vùng khoảng 18 triệu người; tỷ lệ đô thị hóa đạt 75%; giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 29 - 30 vạn lao động; tỷ lệ lao động không có việc làm ở mức 4%; tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới 5%.

- Phấn đấu đạt 500 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2015 và 550 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020; nâng cao sức khoẻ nhân dân, tăng tuổi thọ bình quân lên 78 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 7% vào năm 2020.

3. Về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Kết hợp ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra với khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái.

- Tỷ lệ che phủ rừng trên 35% vào năm 2015 và trên 45% vào năm 2020.

- Đến năm 2015 đạt 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng được áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo xử lý chất thải và 60% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 70% các khu đô thị và 100% các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 95% chất thải rắn được thu gom; xử lý được trên 90% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế.

- Đến năm 2020, duy trì các chỉ tiêu đã đạt được giai đoạn trước, phấn đấu 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, 100% các khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 100% chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom và xử lý.

4. Về an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội:

- Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội tại cơ sở, phòng, chống các tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tiến tới xây dựng các địa bàn trong vùng trở thành địa bàn văn minh, lịch sự, có đời sống văn hóa xã hội lành mạnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước nhằm hạn chế, đẩy lùi tai nạn giao thông.

IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH VÀ LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Ngành công nghiệp:

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao, công nghiệp hỗ trợ. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 9,5 - 10% giai đoạn 2011 - 2015 và 9,0 - 9,5% giai đoạn 2016 - 2020; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP chiếm khoảng 53 - 54% vào năm 2020.

Ưu tiên phát triển nhanh các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và tạo nhiều giá trị gia tăng. Phát triển công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin trở thành ngành mũi nhọn, đồng bộ cả phần cứng và phần mềm, trong đó ưu tiên phát triển phần mềm. Đưa vùng Đông Nam Bộ trở thành trung tâm mạnh về sản xuất linh kiện điện tử, phần mềm, tin học, viễn thông ở khu vực Đông Nam Á. Thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ: Sản xuất linh kiện, phụ liệu, sửa chữa, bảo dưỡng... Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng, hoàn chỉnh các khu chức năng của khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng khu dịch vụ kỹ thuật làm nhiệm vụ cải tiến kỹ thuật, công nghệ cho các cơ sở công nghiệp phía Nam.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực như: Khai thác dầu khí, điện tử và sản xuất phần mềm; cơ khí chế tạo, sản xuất điện, phân bón, hóa chất từ dầu khí; công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may, giầy da, nhựa.

Điều chỉnh lại hướng phân bố công nghiệp trên địa bàn, trên cơ sở khai thác nguồn tài nguyên và dư địa của các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh. Phát triển các khu công nghiệp theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Phát huy vai trò, hiệu quả các cụm công nghiệp trên địa bàn Vùng.

Hình thành vành đai công nghiệp - đô thị của Vùng, hạn chế phát triển thêm các khu công nghiệp trong khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào để phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ và đô thị theo mô hình đô thị công nghệ cao tại Long Thành, thành phố mới Phú Mỹ, khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương.

2. Khu vực dịch vụ:

Phát triển các ngành dịch vụ với tốc độ nhanh và chất lượng cao, nhằm mục tiêu bảo đảm nhịp độ tăng trưởng cao, phát triển toàn diện và bền vững cho toàn Vùng. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm khu vực dịch vụ khoảng 11 - 11,5% giai đoạn 2011 - 2015 và 10,5 - 11,0% giai đoạn 2016 - 2020; nâng tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP của vùng lên trên 44% năm 2020.

Xây dựng vùng Đông Nam Bộ trở thành trung tâm dịch vụ tầm cỡ khu vực Đông Nam Á. Tập trung phát triển toàn diện các ngành dịch vụ chất lượng cao như: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; thương mại và phân phối; vận tải và kho vận quốc tế; công nghệ thông tin và truyền thông; tư vấn, nghiên cứu và triển khai; du lịch; y tế (đặc biệt dịch vụ y tế kỹ thuật cao); giáo dục đào tạo. Phát triển thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại hiện đại, đồng bộ, hợp lý để phát triển dịch vụ phân phối, bao gồm mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho bãi...

Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm dịch vụ tổng hợp lớn mang tính chất quốc gia và quốc tế. Thành phố Vũng Tàu là trung tâm du lịch, trung tâm dịch vụ khai thác dầu khí cấp quốc gia và quốc tế. Các đô thị Biên Hoà và Thủ Dầu Một là trung tâm dịch vụ lớn phục vụ phát triển công nghiệp (đào tạo, tư vấn, hỗ trợ v.v...). Các thị xã tỉnh lỵ như Tây Ninh, Đồng Xoài là các trung tâm dịch vụ tỉnh và đầu mối dịch vụ kết nối với các tỉnh Tây Nguyên và Campuchia. Phát triển kinh tế cửa khẩu ở hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước.

Phát triển Đông Nam Bộ trở thành vùng trọng điểm du lịch của cả nước với những sản phẩm du lịch đặc sắc, có tính cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch: Du lịch cuối tuần, du lịch MICE, du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng núi (Núi Dinh - Bà Rịa - Vũng Tàu), du lịch nghỉ dưỡng biển (Vũng Tàu, Long Hải); du lịch sinh thái (Nam Cát Tiên, Côn Đảo), du lịch chữa bệnh (Bình Châu - Phước Bửu)... Phát triển hệ thống khách sạn và các công trình dịch vụ du lịch; các công trình vui chơi giải trí; tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử và phát triển các lễ hội truyền thống, các hoạt động văn hóa phục vụ du lịch. Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, an ninh và an toàn du lịch. Nghiên cứu thành lập Hiệp hội du lịch Vùng, đẩy mạnh sự liên kết phát triển du lịch trong Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Đến năm 2015, đón khoảng 15 triệu lượt khách, trong đó có 4 triệu khách du lịch quốc tế; năm 2020 tương ứng là 18 triệu (trong đó khách quốc tế là 5 triệu); tổng thu từ khách du lịch năm 2015 là 3 tỷ USD và năm 2020 đạt khoảng 5 tỷ USD.

3. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

- Về nông nghiệp: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao phục vụ nhu cầu công nghiệp chế biến, tiêu dùng ở đô thị và xuất khẩu.

Nâng cao chất lượng các vùng chuyên canh, mở rộng chăn nuôi theo hướng quy mô tập trung, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái. Hình thành các trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch. Ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật trong các khâu sản xuất, tập trung vào các khâu tạo giống, nhập khẩu giống mới năng suất cao, nghiên cứu thích nghi giống mới, sản xuất giống, phát triển công nghệ tưới tiết kiệm nước, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch. Xây dựng thương hiệu cho một số nông sản thế mạnh và đặc trưng.

Tập trung phát triển mạnh sản xuất nông sản hàng hóa: Rau thực phẩm, hoa, cây cảnh; cây công nghiệp lâu năm (cao su, điều, hồ tiêu); cây ăn trái; sản phẩm cây công nghiệp hàng năm; sản phẩm ngành chăn nuôi. Xây dựng các vùng cây ăn quả đặc sản truyền thống, nhằm đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Sản phẩm chăn nuôi: Tận dụng lợi thế thị trường, công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, áp dụng khoa học, công nghệ cao để tạo ra sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu thực phẩm chất lượng cao cho các khu đô thị nội vùng và tiến tới xuất khẩu. Đến năm 2020 phát triển đàn bò khoảng 1,5 - 1,6 triệu con, đàn heo 3,3 - 3,4 triệu con và gia cầm khoảng 23 - 23,5 triệu con.

- Về lâm nghiệp:

+ Phát triển rừng, cùng với các loại cây công nghiệp dài ngày nhằm góp phần cân bằng sinh thái, phát triển bền vững; khoanh nuôi bảo vệ rừng hiện có, làm giàu rừng, phát triển rừng trồng làm nguyên liệu giấy và gỗ gia dụng.

+ Thiết lập lâm phận ổn định, củng cố và bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ các hồ đập và thủy điện, rừng phòng hộ môi trường cho các khu công nghiệp, các thành phố lớn và phòng hộ ven biển. Tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học; chú trọng bảo vệ nguồn gen động thực vật quý hiếm.

- Về thủy sản:

+ Phát triển mạnh nuôi trồng, chế biến thủy sản (đặc biệt là chế biến thủy sản cho xuất khẩu), duy trì và nâng cấp đội tàu khai thác hải sản xa bờ trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo vệ tốt môi trường sinh thái và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Phát triển nghề nuôi cá cảnh phục vụ du lịch và xuất khẩu.

+ Đầu tư phát triển các trung tâm giống thủy sản theo hướng hiện đại, đáp ứng đủ con giống chất lượng và sạch bệnh; hình thành các trung tâm dịch vụ hậu cần phục vụ phát triển thủy sản trong Vùng và hỗ trợ phát triển thủy sản Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

4. Phát triển đồng bộ, cân đối và đi trước về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

+ Về giao thông vận tải:

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông vận tải của Vùng với tốc độ nhanh, hiện đại, bền vững, nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của vùng Đông Nam Bộ và các vùng khác trong cả nước.

- Xây dựng các trục cao tốc: Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Biên Hòa - Vũng Tàu, Bến Lức - Long Thành, thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài và đường vành đai 3, đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh. Mở rộng, nâng cấp các tuyến quốc lộ 1, 51, 22B, đường Hồ Chí Minh... Hoàn thành các tuyến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải và Đồng Nai.

- Hoàn thành di dời các cảng trên sông Sài Gòn, xây dựng các cảng tại cụm cảng Vũng Tàu, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là khu vực Cái Mép - Thị Vải. Phát triển hạ tầng, dịch vụ logistics, kết nối cảng biển khu vực Cái Mép - Thị Vải theo quy hoạch cảng biển chi tiết đã được phê duyệt.

- Ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa đường sắt Bắc - Nam trong Vùng đạt tiêu chuẩn cấp 1. Hình thành mạng đường sắt đô thị, đường sắt đầu mối, đường sắt liên vùng Vùng thành phố Hồ Chí Minh.

- Nâng cấp các cảng hàng không hiện có, hoàn thành giai đoạn I cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Hoàn thành xây dựng tổng kho trung chuyển của Vùng tại Đồng Nai.

- Phát triển vận tải đa phương thức, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, trước hết là vận tải hàng không và hàng hải, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội với chất lượng cao, giá thành hợp lý; kiềm chế tiến tới kéo giảm tai nạn giao thông và giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình khai thác vận tải.

+ Cấp điện và bưu chính viễn thông:

- Hoàn thành mạch vòng 500 kv Phú Lâm - Nhà Bè - Phú Mỹ - Sông Mây - Tân Định - Cầu Bông - Phú Lâm. Xây dựng đường dây 500 kv nối với Nhà máy điện hạt nhân số 1, Trung tâm điện lực Vĩnh Tân và các nhà máy điện vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp các trạm biến áp, đường dây truyền tải và phân phối điện phục vụ sản xuất và đời sống dân cư.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, có độ tin cậy cao, đặc biệt tại thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị trung tâm, tỉnh lỵ. Tăng dung lượng đáp ứng nhu cầu thuê bao, mở rộng vùng phủ sóng đến tất cả các xã trong vùng. Mở rộng hệ thống mạng lưới, điểm phục vụ bưu chính viễn thông ở khu vực nông thôn và hải đảo; từng bước phát triển mạng truyền hình cáp đến khu vực nông thôn.

+ Cấp thoát nước và thủy lợi:

Ưu tiên cấp nước sinh hoạt, cấp nước đô thị và tập trung giải quyết cấp nước cho các vùng còn thiếu nước. Phấn đấu 100% dân số đô thị được sử dụng nước máy vào năm 2020; giảm thiểu tổn thất lũ, bão, hạn hán, xâm nhập mặn cho các vùng hạ du, ven biển; tiêu thoát nước cho các khu vực đô thị; giải quyết tình trạng ngập úng khu vực đô thị thành phố Hồ Chí Minh; chống ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là hạ lưu sông Đồng Nai, sông Sài Gòn.

5. Khoa học và công nghệ:

- Phát triển tiềm lực khoa học công nghệ trong vùng, tăng cường đầu tư cho các viện nghiên cứu đầu ngành, trung tâm khoa học công nghệ, các phòng thí nghiệm trọng điểm, các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Xúc tiến đầu tư vào Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng thêm một số khu công nghệ cao tại các địa bàn có đủ điều kiện.

- Có cơ chế, chính sách phát triển nhanh nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia giỏi người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia các hoạt động khoa học công nghệ trong Vùng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ và phát triển thị trường khoa học công nghệ, hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ trong các doanh

nghiệp. Khuyến khích và phát huy sáng tạo, tăng nhanh số lượng và chất lượng các phát minh sáng chế, cải tiến kỹ thuật phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

6. Các lĩnh vực xã hội:

- Đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và an sinh xã hội:

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo, đảm bảo cung cấp nguồn lao động ổn định về số lượng và chất lượng cho vùng Đông Nam Bộ và các vùng khác. Khuyến khích và đa dạng hóa các hình thức liên kết, hợp tác giữa các đơn vị sử dụng lao động và cơ sở đào tạo. Tập trung đào tạo đủ nhân lực chất lượng cho các ngành có hàm lượng chất xám cao, đem lại giá trị gia tăng lớn, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cho Vùng và cả nước.

+ Chú trọng tạo việc làm có tính bền vững, chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Phát triển thị trường lao động và quản lý tốt cung - cầu về lao động; làm tốt công tác dự báo, tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động theo ngành nghề, cấp trình độ, địa bàn làm cơ sở định hướng để phát triển đào tạo, dạy nghề phù hợp. Nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị.

+ Triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho hộ nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập để thoát nghèo bền vững.

+ Thực hiện tốt chính sách xã hội, chăm sóc người có công với nước, chăm lo đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho các con em gia đình chính sách; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Giáo dục, đào tạo:

+ Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, tập trung đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước, nhất là nhu cầu nhân lực các lĩnh vực mũi nhọn.

+ Xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao có uy tín quốc tế. Ưu tiên đầu tư cho các trường đại học trọng điểm trong Vùng để nhanh chóng tiếp cận với trình độ đào tạo của khu vực trong một số lĩnh vực thế mạnh. Tiếp tục xã hội hóa giáo dục đại học, mở rộng hợp tác, liên kết trong và ngoài nước đi đôi với đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Phát triển mạng lưới dạy nghề theo quy hoạch, trong đó ưu tiên đầu tư, phát triển một số trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc

tế nhằm đáp ứng yêu cầu về lao động chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Y tế:

Xây dựng, phát triển y tế Vùng thành trung tâm y tế kỹ thuật - công nghệ cao của miền Nam và cả nước; trung tâm nghiên cứu y học và đào tạo cán bộ y tế đạt trình độ khu vực.

Tiếp tục đầu tư phát triển Trung tâm y tế chuyên sâu thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng, nâng cấp các bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I. Xây dựng các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể.

Mở rộng và tăng cường năng lực mạng lưới y tế dự phòng, từng bước phát triển hệ thống y tế dự phòng tuyến tỉnh, thành phố. Sắp xếp lại, củng cố, tăng cường mạng lưới y tế xã, phường, bảo đảm 100% phường, ấp có nhân viên y tế; 100% trạm y tế xã có bác sĩ và đạt chuẩn quốc gia.

Xã hội hóa y tế đi đôi với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở cung cấp dịch vụ. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển nhanh các bệnh viện ngoài công lập, tạo điều kiện phát triển các mô hình dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân.

- Văn hóa, thể dục thể thao:

+ Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống các công trình văn hóa ở cấp tỉnh, huyện và xã. Phấn đấu toàn Vùng có 100% ấp, thôn, làng, khu phố có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 80% di tích cấp quốc gia và tỉnh, thành được tu bổ, tôn tạo. Quan tâm phát triển hệ thống các công trình văn hóa, thể thao ven các khu công nghiệp.

Phấn đấu đến năm 2020 đạt 30 - 35% dân số của Vùng tập thể dục, thể thao thường xuyên, hình thành đội ngũ vận động viên thành tích cao ở một số bộ môn như bóng đá, bóng chuyền, quần vợt...

Xây dựng ở mỗi tỉnh trung tâm văn hóa - thể thao theo tiêu chuẩn quy định; tiếp tục xây dựng, nâng cấp, mở rộng các trung tâm văn hóa - thể thao, các cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao trên địa bàn các tỉnh, quận, huyện, xã, phường, trường học, cơ quan trong vùng. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất cho các cơ sở thể thao thành phố, thị xã, đảm bảo đủ năng lực đăng cai tổ chức các giải thi đấu trong khu vực và quốc tế.

7. Bảo vệ môi trường:

Khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên và thảm xanh hiện hữu. Ổn định vùng trồng cây công nghiệp tại các tỉnh. Khoanh vùng bảo vệ và phát triển

thảm thực vật tại các khu vực dọc sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Đảm bảo khoảng cách ly xây dựng của các khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp từ 200 m đến 300 m dọc theo bờ sông từ biên mặn trở lên, để kiểm soát nước thải và dễ khoanh vùng, xử lý khi có sự cố môi trường. Tổ chức mạng lưới quan trắc chất lượng nước trên toàn Vùng với bước đi thích hợp.

Quy hoạch bố trí các khu công nghiệp theo hướng bảo vệ môi trường, tăng cường kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh và có chế tài xử lý thích đáng.

Xây dựng hệ thống thoát nước thải đạt tiêu chuẩn tại các đô thị, các khu công nghiệp; xây dựng khu xử lý nước rỉ rác đạt tiêu chuẩn đối với các bãi chôn lấp rác, các khu liên hợp xử lý rác nằm ở khu vực thượng nguồn sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Nhanh chóng triển khai và đưa vào hoạt động có hiệu quả các dự án xử lý nước thải, rác thải với công nghệ hiện đại.

8. Bảo đảm an ninh, quốc phòng:

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc. Xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh; đội quân thường trực chính quy - hiện đại, phát triển dân quân và tự vệ phù hợp với từng khu vực phòng thủ. Chú trọng xây dựng lực lượng tự vệ biển và tăng cường khả năng phòng thủ bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên các vùng biển đảo, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội các vùng biển đảo và ven biển.

- Xây dựng lực lượng tinh nhuệ, giỏi về nghiệp vụ, vững vàng về chính trị, đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị. Củng cố thế trận an ninh nhân dân, tăng cường lực lượng tuyến xã, đảm bảo không để xảy ra tình huống bất ngờ. Phối hợp các lực lượng nhằm thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm và bài trừ các tệ nạn xã hội. Thường xuyên tuyên truyền giáo dục nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

V. PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ VÙNG

1. Phát triển và phân bố hệ thống đô thị:

- Tạo sự liên kết giữa các đô thị trong vùng theo hướng văn minh, hiện đại, có bản sắc trên nền tảng phát triển bền vững; hấp dẫn các nhà đầu tư, thuận lợi cho sản xuất và cuộc sống của nhân dân trong vùng. Hình thành cơ cấu đa trung tâm nhằm tạo động lực để phát triển các vùng ngoại vi xung quanh, đồng thời giảm áp lực cho khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển các đô thị Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một trở thành đô thị loại I và đóng vai trò là các cực phát triển trong hệ thống đô thị của vùng.

- Phát triển các đô thị vệ tinh của thành phố Hồ Chí Minh như Nhơn Trạch, Long Thành, Tam Phước, Hiệp Phước, Củ Chi, Trảng Bom, An Lạc, Nhà Bè, Cần Giờ, Dĩ An - Thuận An. Phát triển các hành lang đô thị hóa từ thành phố Hồ Chí Minh gắn với các trục quốc lộ 1A, 51, 22 và 13.

2. Phát triển các điểm dân cư nông thôn:

- Phát triển nông thôn và phân bố các điểm dân cư gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển các khu đô thị để đảm bảo tính đồng bộ trong phát triển lãnh thổ vùng ngoại vi các đô thị và hành lang đô thị; có các giải pháp quy hoạch và xây dựng đồng bộ các khu vực tập trung dân cư nông thôn thành các khu vực đô thị.

- Hình thành các trung tâm dịch vụ nông thôn; xây dựng các tuyến, cụm dân cư nông thôn có cơ sở hạ tầng đồng bộ đạt tiêu chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; quy hoạch cải tạo và xây dựng các làng nghề theo hướng phát triển bền vững; quy hoạch và xây dựng các làng đánh bắt, nuôi trồng thuỷ, hải sản ven biển.

3. Quy hoạch phát triển các tiểu vùng: Phát huy tiềm năng, lợi thế của các tỉnh, thành phố trong Vùng theo hướng hình thành chức năng trong quá trình phân công và hợp tác liên vùng, liên tỉnh, thành phố.

- Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm động lực của vùng; đầu mối của hợp tác liên vùng và quốc tế; trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ của vùng và cả nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, tạo nhiều giá trị gia tăng và các ngành công nghiệp hiện đại, có hàm lượng công nghệ cao.

- Khu vực 3 tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu là địa bàn phát triển năng động của Vùng, chú trọng nâng cao sức cạnh tranh công nghiệp, phát triển dịch vụ đồng bộ phục vụ tốt cho các ngành công nghiệp chủ lực và mũi nhọn, nhanh chóng gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật trong các ngành kinh tế, đồng thời hỗ trợ phát triển cho khu vực các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước.

- Khu vực hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước phát triển theo hướng đón đầu quá trình chuyển dịch công nghiệp từ các địa phương khác đồng thời khai thác lợi thế các khu kinh tế cửa khẩu, mở rộng hoạt động kinh tế, thương mại với Campuchia.

- Xây dựng vùng ven biển trở thành "vùng kinh tế mở", hướng mạnh ra bên ngoài với các ngành chủ yếu như khai thác dầu khí; công nghiệp đóng và sửa chữa tàu; du lịch biển, đảo; đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo vệ biển và nhiệm vụ an ninh quốc phòng.

- Phát triển thành phố Vũng Tàu thành trung tâm hướng ra biển, cửa ngõ ra biển cho Vùng và nước bạn Campuchia, Thái Lan; hình thành khu công nghiệp dầu khí và hóa chất lớn đi kèm; khu du lịch quốc tế nổi tiếng của miền Nam.

- Xây dựng Côn Đảo thành Khu kinh tế - du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bảo tồn, tôn tạo khu di tích cách mạng đặc biệt của Việt Nam và phát triển, nâng cao giá trị Vườn quốc gia Côn Đảo.

VI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo).

VII. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhiệm vụ chủ yếu mang tính đột phá:

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tăng cường đóng góp và vai trò của khu vực dịch vụ, nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực, phát triển nhanh các sản phẩm mũi nhọn, gắn với thị trường và tăng sức cạnh tranh trên các lĩnh vực.

- Tăng cường đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội theo hướng cân đối, đồng bộ và đi trước một bước. Hoàn thành các tuyến cao tốc, mở rộng, nâng cấp các quốc lộ nối với các vùng và quốc tế; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng biển, sân bay. Hoàn chỉnh và nâng cấp các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao theo hướng hình thành các khu công nghiệp - đô thị, khu công nghiệp công viên, khu công nghiệp chuyên ngành.

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là các công nghệ cao, công nghệ mới trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Tăng cường hợp tác, xây dựng không gian kinh tế thống nhất nhằm phát huy lợi thế so sánh trên toàn vùng Đông Nam Bộ, tạo sự phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau có hiệu quả và phát huy lợi thế của tất cả các địa phương.

2. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

a) Huy động hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tạo điều kiện thu hút mạnh mẽ hơn các nguồn lực trong và ngoài nước. Giảm tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách gắn liền với nâng cao hiệu quả đầu tư công, đa dạng hóa và tăng cường các nguồn vốn khác, coi trọng khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai. Tranh thủ tối đa nguồn vốn ODA để đầu tư các công trình trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn.

- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng thu hút công nghệ, kỹ thuật hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Có chính sách định hướng luồng vốn đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao, các ngành sản xuất công nghệ cao, các ngành xuất khẩu tạo nhiều giá trị.

- Phát triển đồng bộ thị trường vốn, thị trường chứng khoán phục vụ tốt các ngành kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Quản lý hiệu quả thị trường bất động sản tạo điều kiện phát triển nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

b) Đẩy mạnh sự phối hợp gắn kết giữa các địa phương trong và ngoài vùng Đông Nam Bộ trong việc thực hiện các chính sách phát triển, trong huy động và phân bổ nguồn lực và vốn đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng; đào tạo, thu hút và tạo việc làm, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo vai trò gìn giữ an ninh, quốc phòng và bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước cho Vùng. Có cơ chế đặc thù nhằm thu hẹp dần mức độ chênh lệch vùng theo từng thời kỳ, trên từng lĩnh vực giữa khu vực hai tỉnh Tây Ninh, Bình Phước với khu vực các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh.

c) Đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng cho nhu cầu phát triển của Vùng, khu vực phía Nam và cả nước. Mở rộng quy mô đào tạo dưới nhiều hình thức, chú ý đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao. Phối hợp đào tạo nguồn nhân lực với các vùng khác trong nước và hợp tác quốc tế. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn như công nghiệp điện tử, tin học, viễn thông, tài chính, logistics, du lịch... Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ Nano, công nghệ vật liệu mới.

d) Giải pháp về cải cách hành chính

Hoàn thiện các cơ chế hiện hành và tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch; đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo môi trường thuận lợi để tăng cường thu hút đầu tư.

Xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách đảm bảo phát huy dân chủ và sáng tạo; đảm bảo cho hệ thống chính quyền các cấp hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan; đồng thời tăng cường công tác phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan nhà nước.

đ) Giải pháp về tăng cường hợp tác và phát triển thị trường

- Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong Vùng và với các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng miền Trung và Tây Nguyên về xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ, cung cấp lao động, xây dựng vùng nguyên liệu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; sử dụng chung kết cấu hạ tầng trong Vùng về công nghiệp, xử lý chất thải rắn, cấp nước; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch; khai thác, sử dụng và bảo vệ bền vững tài nguyên nước, bảo vệ môi trường.

- Tăng cường hợp tác phát triển thương mại qua biên giới với Campuchia, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, xây dựng mạng lưới giao thông, cấp điện giữa các địa phương Việt Nam với Campuchia. Đẩy mạnh hợp tác với các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS).

Điều 2. Tổ chức, giám sát thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực của Vùng và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong vùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Quy hoạch.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch Vùng, Quy hoạch của các Bộ, ngành và các địa phương trong Vùng; giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong Vùng và với các vùng khác. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của Vùng.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

- Lập mới, điều chỉnh, trình phê duyệt các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn vùng phù hợp với những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Nghiên cứu, xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù thuộc lĩnh vực quản lý nhằm hoàn thành những mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra trong Quy hoạch.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có

quy mô, tính chất vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng.

Nhiệm vụ cụ thể của một số Bộ, ngành như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải:

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn Vùng.

- Phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu và đề xuất cơ chế huy động vốn nhằm đảm bảo tiến độ triển khai các dự án phát triển giao thông vận tải quy mô lớn trên địa bàn Vùng.

- Nghiên cứu đề xuất và thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng ách tắc giao thông tại thành phố Hồ Chí Minh.

b) Bộ Công Thương:

- Chỉ đạo xây dựng và hoàn thành đúng tiến độ hệ thống kết cấu hạ tầng công nghiệp và thương mại trên địa bàn Vùng theo quy hoạch được duyệt.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, bổ sung cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, các ngành công nghệ cao.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, nhất là đối với các sản phẩm xuất khẩu của các ngành kinh tế trên địa bàn Vùng.

c) Bộ Xây dựng:

- Chủ trì lập, điều chỉnh quy hoạch, kiểm tra, giám sát xây dựng các khu xử lý chất thải nguy hại, nghĩa trang, hệ thống cấp nước quy mô vùng; phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, từng bước giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại các đô thị.

- Đánh giá và kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm quản lý hiệu quả quá trình phát triển đô thị trên địa bàn Vùng.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hoàn thành xây dựng và tổ chức triển khai quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phát triển các ngành và sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp chủ yếu trên địa bàn vùng.

- Lập Quy hoạch, đề xuất cơ chế, chính sách và hỗ trợ các địa phương trong vùng xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp từng bước giải quyết căn bản tình trạng ngập úng tại thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Triển khai các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, nhất là môi trường đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn Vùng. Hỗ trợ nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Chỉ đạo, phối hợp với các địa phương trong bảo vệ và sử dụng hợp lý các loại tài nguyên trong Vùng.

e) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng nhân lực sau đào tạo trong vùng.

- Xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao có uy tín quốc tế; tạo điều kiện để một số trường đại học trọng điểm trong vùng hiện đại hóa cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng có trách nhiệm:

- Chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến năm 2020 phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 943/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Giao thông:

- Đường bộ: Đường vành đai 3, Đường vành đai 4 - Thành phố Hồ Chí Minh; các trục cao tốc: Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Biên Hòa - Vũng Tàu, Bến Lức - Nhơn Trạch - Long Thành, Dầu Giây - Phan Thiết; các quốc lộ: 1A, 1K, 13, 14, 14C, 20, 22, 22B, 50, 51, 55, 56.

- Đường sắt: Đường sắt đô thị, đường sắt đầu mối, đường sắt liên vùng Vùng thành phố Hồ Chí Minh.

- Đường thủy nội địa: Cải tạo, nâng cấp các tuyến Sài Gòn - Kiên Lương, Sài Gòn - Cà Mau, Sài Gòn - Mộc Hóa, Sài Gòn - Bến Kéo, Sài Gòn - Dầu Tiếng, Sài Gòn - Hiếu Liêm, Sài Gòn - Hà Tiên; tuyến nối sông Thị Vải đi đồng bằng sông Cửu Long.

- Cảng biển: Khu cảng Vũng Tàu, khu cảng thành phố Hồ Chí Minh, khu cảng Đồng Nai; các bến khách tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

- Cảng hàng không: Nâng cấp cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành.

2. Hạ tầng thương mại, kho bãi:

Tổng kho trung chuyển miền Đông.

3. Cấp điện:

- Hoàn thành mạch vòng 500 kv Phú Lâm - Nhà Bè - Phú Mỹ - Sông Mây - Tân Định - Cầu Bông - Phú Lâm.

- Xây dựng các trạm biến áp 500 kv và đường dây 500 kv phục vụ đấu nối với các nhà máy điện tại đồng bằng sông Cửu Long, Trung tâm điện lực Vĩnh Tân và Nhà máy điện hạt nhân.

4. Thủy lợi:

- Các dự án thuộc quy hoạch thủy lợi chống ngập thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự án thủy lợi Phước Hòa (giai đoạn 2).

- Hệ thống thủy lợi sông Ray.

5. Xử lý chất thải:

- Khu liên hợp xử lý chất thải rắn công nghiệp độc hại tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Khu liên hợp xử lý rác phục vụ cho thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An.

6. Du lịch:

Khu du lịch di tích cách mạng Côn Đảo.

7. Giáo dục:

- Xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh theo tiêu chí các trường đại học trọng điểm.

- Xây dựng trường Đại học Việt Đức trở thành trường Đại học chất lượng cao.

8. Y tế:

- Trung tâm Y tế chuyên sâu thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bệnh viện Đa khoa tại các tỉnh.

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng